



Trần Quang Minh_ 11157192



**Nhóm
thực
hiện**

Phạm Nguyệt

Ph



Đình Văn Phong_
11157024



Ya Giáng_ 11157449



TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH KHOA MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

BÁO CÁO QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN
RỪNG

ĐỀ TÀI:

LUẬT ĐA DẠNG SINH HỌC

GVHD: PGS.TS Ngô An



Nội dung



GIỚI THIỆU CHUNG



**LUẬT ĐA DẠNG SINH
HỌC**





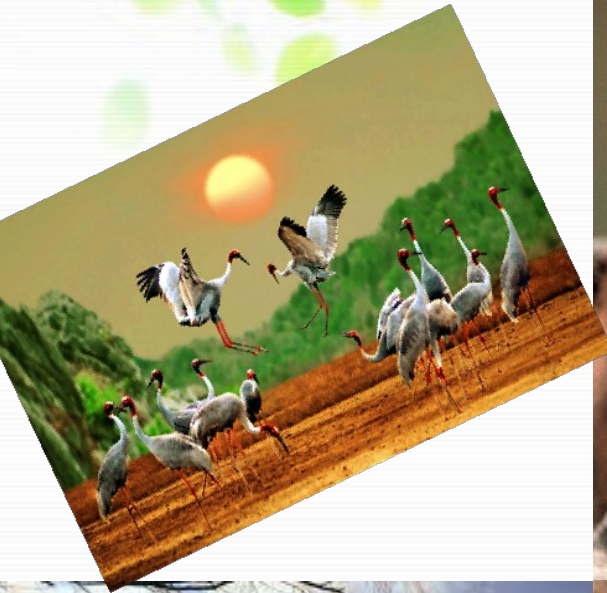
GIỚI THIỆU CHUNG

- Năm 2003, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã được Chính phủ giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo Luật Đa dạng sinh học của Việt Nam
- Căn cứ Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 1992, đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10
- Luật Đa dạng sinh học đã được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ tư, thông qua ngày 13-11-2008, và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2009
- Bao gồm 8 chương và 78 điều.





LUẬT ĐA DẠNG SINH HỌC



CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Gồm 7 điều:

- ❖ **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh
- ❖ **Điều 2.** Đối tượng áp dụng
- ❖ **Điều 3.** Giải thích từ ngữ (bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái, gen,...)
- ❖ **Điều 4.** Nguyên tắc bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học (gồm 5 khoản)
- ❖ **Điều 5.** Chính sách của Nhà nước về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học (gồm 5 khoản)
- ❖ **Điều 6.** Trách nhiệm quản lý nhà nước về đa dạng sinh học (gồm 4 khoản)
- ❖ **Điều 7.** Những hành vi bị nghiêm cấm về đa dạng sinh học (gồm 9 khoản)



Giải thích
từ ngữ

- **Đa dạng sinh học** là sự phong phú về gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên.
- **Bảo tồn đa dạng sinh học** là việc bảo vệ sự phong phú của các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù hoặc đại diện
- **Bảo tồn tại chỗ** là bảo tồn loài hoang dã trong môi trường sống tự nhiên của chúng
- **Bảo tồn chuyển chỗ** là bảo tồn loài hoang dã ngoài môi trường sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của chúng

- Săn bắt, đánh bắt, khai thác loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn
- Xây dựng công trình, nhà ở trong phân khu bảo vệ
- Nhập khẩu, phóng thích trái phép sinh vật biến đổi gen
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất

Nghiêm
cấm



Chương 2:

QUY HOẠCH BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

MỤC I: QUY HOẠCH TỔNG THỂ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA CẢ NƯỚC (từ điều 8 đến điều 11)





Mục 2: Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (điều 12->điều 15)



ND: Đưa ra các căn cứ để lập quy hoạch, nội dung quy hoạch và quy định các cơ quan có trách nhiệm lập, phê duyệt, điều chỉnh, công bố, thực hiện việc quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Quy hoạch XD vùng du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc



Điều 12: Căn cứ lập quy hoạch bảo tồn ĐDSH của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Quy hoạch phát triển KT- XH, quốc phòng an ninh

Quy hoạch tổng thể bảo tồn ĐDSH

Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Hiện trạng ĐDSH, điều kiện tự nhiên, KT-XH đặc thù của địa phương nơi dự kiến thành lập KBT.

Kết quả thực hiện quy hoạch bảo tồn ĐDSH của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước đó.

Nhu cầu bảo tồn, khai thác ĐDSH và nguồn nhân lực thực hiện dự án.

Điều 13: Nội dung quy hoạch bảo tồn ĐDSH của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương



Phương hướng, mục tiêu bảo tồn ĐDSH.



Đánh giá hiện trạng ĐDSH



Vị trí địa lý, diện tích, ranh giới và bản đồ khu vực dự kiến thành lập KBT, loại hình KBT;



Nhu cầu bảo tồn chuyển chỗ; loại hình, số lượng, phân bố và kế hoạch phát triển các cơ sở bảo tồn ĐDSH



Tổ chức thực hiện quy hoạch bảo tồn ĐDSH.

Điều 14. Lập, thẩm định, thông qua, điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Điều 15. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương



1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được Hội đồng nhân dân thông qua, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm công bố quy hoạch bảo tồn ĐDSH trên trang thông tin điện tử.



2. UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG III: BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ SINH THÁI TỰ NHIÊN

Mục 1: Khu Bảo Tồn (điều 16-33)

- Quy định các tiêu chí, tính đặc thù riêng biệt để lập ra KBT, VQG, KDTSQ....
- Quy định nội dung của dự án thành lập KBT, quy định cơ quan, trình tự, thủ tục để lập, thẩm định dự án thành lập KBT và quyết định thành lập KBT cấp tỉnh, quốc gia
- Quy định trách nhiệm và quyền của các cơ quan về việc quản lý, sử dụng đất trong KBT, quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tập thể sống và hoạt động hợp pháp trong khu bảo tồn,



- **Điều 16.** Khu bảo tồn, phân cấp KBT
- **Điều 17.** Vườn quốc gia
- **Điều 18.** Khu dự trữ thiên nhiên
- **Điều 19.** KBT loài – sinh cảnh
- **Điều 20.** Khu bảo vệ cảnh quan
- **Điều 21.** Nội dung của dự án thành lập KBT
- **Điều 22.** Lập, thẩm định dự án thành lập KBT cấp quốc gia
- **Điều 23.** Quyết định thành lập KBT quốc gia
- **Điều 24.** Lập, thẩm định dự án thành lập KBT và quyết định thành lập KBT cấp tỉnh



Điều 22. Lập, thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia

Điều 23. Quyết định thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia

Điều 24. Lập, thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn và quyết định thành lập khu bảo tồn cấp tỉnh

Điều 25. Sử dụng đất trong khu bảo tồn



Bản đồ sử dụng đất
Vườn Quốc gia Ba Bể

Điều 26: Phân khu chức năng và ranh giới khu bảo tồn



1. Khu bảo tồn có các phân khu chức năng sau đây:



Điều 27. Trách nhiệm quản lý khu bảo tồn



Điều 28. Tổ chức quản lý khu bảo tồn

Điều 29. Quyền và trách nhiệm của Ban quản lý, tổ chức được giao quản lý khu bảo tồn

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu bảo tồn

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có hoạt động hợp pháp trong khu bảo tồn

Điều 32. Quản lý vùng đệm của khu bảo tồn



Điều 33: Báo cáo về hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn



Mục 2: Phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên (điều 34- 36)

ND: quy định việc điều tra, đánh giá và xác lập chế độ phát triển bền vững của các hệ sinh thái tự nhiên

Điều 34. Điều tra, đánh giá và xác lập chế độ phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên

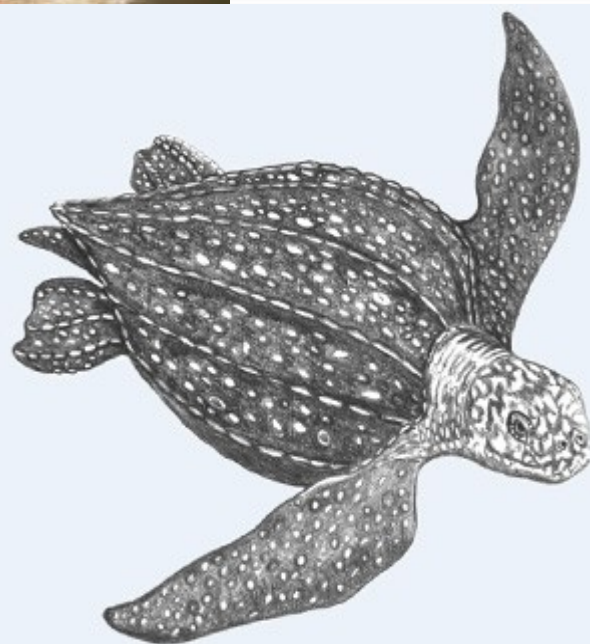
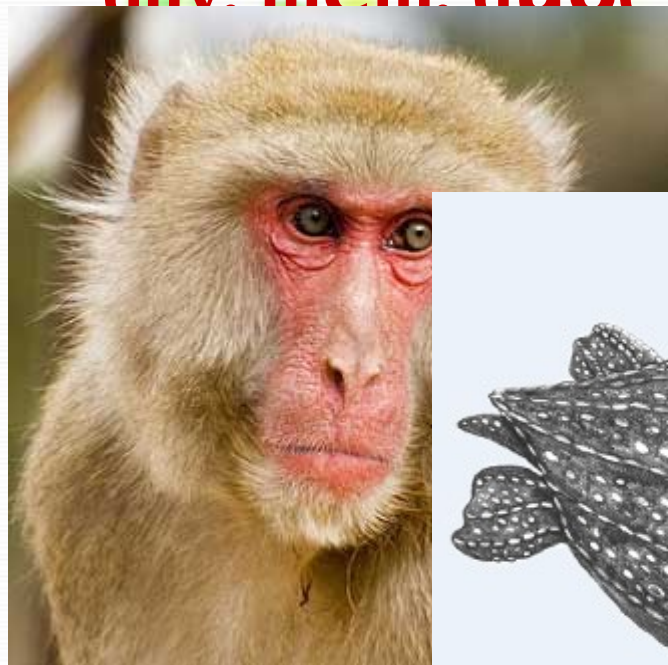
Điều 35. Phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên trên vùng đất ngập nước tự nhiên

Điều 36. Phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên trên vùng núi đá vôi và vùng đất chưa sử dụng không thuộc hệ sinh thái



CHƯƠNG IV: BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC LOÀI SINH VẬT

Mục 1: Bảo vệ loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ (điều 37-41)



ND: Quyết định loài được đưa vào Danh mục các loài nguy cấp cần được bảo vệ
- Hoặc đưa ra khỏi danh mục Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm cần được bảo vệ.

**CITES: Phụ lục II
NĐ 32/2006/NĐ-CF
IIB**

**CITES: Phụ lục I
NĐ 82/2008/QĐ-BNN:
CR**

Điều 37. Loài được đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

Loài
được
đưa
vào
danh
mục
nguy
cấp,
quý
hiếm.





Điều 38. Đề nghị đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Điều 39. Thẩm định hồ sơ đề nghị đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Điều 40. Quyết định loài được đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Điều 41. Bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.



**THANK YOU FOR
LISTENING !!!**

